

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2024/TT-BCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Công Thương

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Công Thương;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Công Thương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương; chế độ bồi dưỡng đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương; cấp trang phục, thẻ thanh tra chuyên ngành Công Thương.

2. Một số nội dung khác về thanh tra chuyên ngành Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thanh tra Bộ Công Thương; các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Công Thương; Chánh Thanh tra

Bộ Công Thương, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Công Thương (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan); người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương và đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành

Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Thanh tra và các điều kiện sau:

1. Có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Công Thương cấp hoặc Chứng nhận đã hoàn thành bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra do Trường Cán bộ Thanh tra cấp.
2. Được bổ nhiệm vào ngạch từ chuyên viên, kiểm soát viên thị trường hoặc tương đương trở lên.

Điều 4. Bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương

1. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Thanh tra Bộ xây dựng và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành hàng năm.

2. Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được phê duyệt, Vụ Tổ chức cán bộ thông báo tới các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về Kế hoạch mở lớp và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt danh sách tham gia bồi dưỡng.

3. Thanh tra Bộ chủ trì xây dựng nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành và những đối tượng khác tham gia hoạt động thanh tra chuyên ngành gồm:

- a) Quy định của pháp luật về thanh tra chuyên ngành;
- b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, phòng chống tham nhũng;
- c) Cập nhật những quy định mới của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- d) Những quy định khác có liên quan.

Điều 5. Trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương

1. Trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành Công Thương thực hiện theo quy định của Thanh tra Chính phủ và cấp có thẩm quyền.

2. Việc cấp cầu vai, cấp hàm đối với trang phục của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia và các Cục thuộc Bộ Công Thương (sau đây gọi chung là Cục thuộc Bộ) được thực hiện như sau:

a) Cục trưởng được cấp như Phó Chánh Thanh tra Bộ; Phó Cục trưởng được cấp như Trưởng phòng thuộc Thanh tra Bộ;

b) Trưởng Phòng và tương đương được cấp như Phó Trưởng phòng thuộc Thanh tra Bộ, Phó Trưởng phòng và tương đương được cấp như Thanh tra viên chính;

c) Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được cấp như Thanh tra viên;

d) Tại cơ quan điều tra thuộc Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia: Trưởng phòng thuộc cơ quan điều tra được cấp như Chánh Thanh tra cấp huyện, Phó Trưởng phòng thuộc cơ quan điều tra được cấp như Phó Chánh Thanh tra cấp huyện.

2. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc cơ quan Quản lý thị trường sử dụng trang phục của lực lượng Quản lý thị trường theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Điều 6. Thẻ thanh tra chuyên ngành Công Thương

1. Thẻ thanh tra chuyên ngành Công Thương (sau đây gọi là Thẻ) do Chánh Thanh tra Bộ Công Thương cấp cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành. Thời hạn sử dụng Thẻ là 05 năm kể từ ngày cấp.

2. Kinh phí làm Thẻ được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Văn phòng Bộ Công Thương.

Điều 7. Hình thức, trình tự, thủ tục cấp Thẻ

1. Hình thức cấp Thẻ

a) Cấp mới: Đối với người đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Thông tư này và được Thủ trưởng cơ quan phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành;

b) Cấp lại: Thẻ bị mất, hỏng không thể sử dụng được; có sự thay đổi thông tin ghi trên Thẻ. Thẻ được cấp lại có thời hạn sử dụng và mã số Thẻ như Thẻ đã được cấp trước đó.

2. Trình tự, thủ tục cấp Thẻ

a) Hồ sơ cấp Thẻ: Công văn đề nghị đề nghị cấp Thẻ của Thủ trưởng cơ quan gửi Thanh tra Bộ Công Thương; Danh sách đề nghị cấp Thẻ; 02 (hai) ảnh chân dung người được đề nghị cấp thẻ chụp trên nền trắng (cỡ 20mm x 30mm) trong thời hạn 06 tháng có ghi rõ họ tên, đơn vị công tác phía sau ảnh.

Trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ do bị mất, người được đề nghị cấp lại Thẻ phải có văn bản giải trình và được xác nhận của cơ quan công tác.

Trường hợp Thẻ bị hỏng, phải gửi kèm theo Thẻ trong hồ sơ đề nghị cấp lại Thẻ.

b) Thời điểm xét duyệt cấp Thẻ: Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị cấp Thẻ về Thanh tra Bộ trước ngày 25 tháng 3 và trước ngày 25 tháng 9 hằng năm. Chánh Thanh tra Bộ quyết định cấp Thẻ vào tháng 4 và tháng 10 hằng năm.

Trong trường hợp do yêu cầu của công việc, Chánh Thanh tra Bộ xem xét, quyết định cấp Thẻ theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành.

3. Thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm về điều kiện, tiêu chuẩn của người được đề nghị cấp Thẻ.

4. Đơn vị làm công tác tổ chức cán bộ thuộc cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Công Thương có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan các nội dung có liên quan đến việc cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, đề nghị thu hồi Thẻ.

Điều 8. Quản lý và sử dụng Thẻ

1. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn người được cấp Thẻ bảo quản và sử dụng Thẻ đúng mục đích.

2. Người được cấp Thẻ chỉ được sử dụng Thẻ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành; không sử dụng Thẻ của người khác, không được cho người khác mượn Thẻ.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành phải có Thẻ trong quá trình tiến hành thanh tra.

Điều 9. Tạm đình chỉ sử dụng Thẻ

1. Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc quyền quản lý và báo cáo về Thanh tra Bộ Công Thương một trong các trường hợp sau:

a) Đang trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật do có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Bị xử lý kỷ luật trong hoạt động công vụ nhưng chưa đến mức bị thu hồi Thẻ theo quy định tại điểm b, điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

c) Bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam;

d) Sử dụng Thẻ không đúng mục đích.

2. Sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc người được cấp Thẻ không vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật, Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ.

Điều 10. Thu hồi Thẻ

1. Thủ trưởng cơ quan gửi văn bản về Thanh tra Bộ Công Thương đề nghị thu hồi Thẻ của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành cùng hồ sơ, tài liệu minh chứng kèm theo chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh một trong các trường hợp sau đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành:

a) Chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị khác hoặc không được tiếp tục giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành hoặc nghỉ hưu, thôi việc, chết hoặc không còn đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn cấp Thẻ;

b) Bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc trong hoạt động công vụ;

c) Bị Tòa án kết án bằng bản án hình sự có hiệu lực;

d) Bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc mất tích;

đ) Bị cơ quan, người có thẩm quyền kết luận có hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 8 Luật Thanh tra năm 2022;

e) Thẻ hết thời hạn sử dụng.

2. Chánh Thanh tra Bộ Công Thương ban hành quyết định thu hồi Thẻ.

3. Người bị thu hồi Thẻ có trách nhiệm trả lại Thẻ cho cơ quan chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Thẻ. Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thu hồi, tiêu hủy bằng hình thức phù hợp đối với những trường hợp Thẻ bị thu hồi và thông báo bằng văn bản về Thanh tra Bộ.

4. Người bị thu hồi Thẻ quy định tại điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1 Điều này chỉ được xem xét cấp Thẻ sau 02 năm kể từ ngày có quyết định thu hồi Thẻ.

Điều 11. Mẫu Thẻ

1. Thẻ hình chữ nhật, rộng 61 mm, dài 87 mm gồm phiê Thẻ và màng bảo vệ. Phong chữ trình bày trên Thẻ là phong chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001.

2. Thẻ gồm 02 (hai) mặt

a) Mặt trước

Dòng trên ghi Quốc hiệu Việt Nam “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**”; cỡ chữ 9; kiểu chữ đứng, đậm, màu chữ vàng nhạt được in trên nền màu đỏ;

- Giữa mặt Thẻ là Quốc huy Việt Nam. Dòng dưới cùng ghi “**THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**”; cỡ chữ 12; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm; màu chữ vàng đậm.

b) Mặt sau: Nền là hoa văn màu hồng tươi tạo thành các tia sáng lan tỏa từ tâm ra xung quanh; ở giữa có biểu tượng ngành thanh tra, in bóng mờ, đường kính 20 mm, góc bên trái in biểu tượng ngành thanh tra đường kính 14 mm; từ góc trên bên trái (cách 10 mm) đến góc dưới bên phải là gạch chéo màu đỏ rộng 6 mm. Nội dung trên mặt sau có các thông tin:

- Quốc hiệu: Chữ in hoa; kiểu chữ đứng, đậm; cỡ chữ 8;
- Tiêu ngữ: Chữ in thường; kiểu chữ đứng, đậm; cỡ chữ 8, có gạch chân, bên trái có biểu tượng ngành thanh tra;
- “**THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH CÔNG THƯƠNG**”: Chữ in hoa; kiểu chữ đứng, đậm; cỡ chữ 9;
- Mã số Thẻ: Chữ in thường, kiểu chữ đứng; cỡ chữ 9;
- Họ và tên: Ghi họ và tên của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, chữ in thường; kiểu chữ đứng, đậm; cỡ chữ 9;
- Cơ quan: Ghi tên cơ quan người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra công tác; chữ in thường; kiểu chữ đứng; cỡ chữ 9;
- Ngày, tháng, năm cấp Thẻ: Chữ in thường; kiểu chữ nghiêng; cỡ chữ 9;
- **CHÁNH THANH TRA BỘ**: Chữ in hoa; kiểu chữ đứng, đậm; cỡ chữ 8;
- Chữ ký và họ tên của Chánh Thanh tra Bộ Công Thương: Chữ in thường; kiểu chữ đứng, đậm; cỡ chữ 9;
- Dấu của Thanh tra Bộ Công Thương;
- Ảnh chân dung của người được cấp Thẻ, khổ 20 mm x 30 mm, được đóng dấu nổi ở góc phải phía dưới ảnh;
- Thời hạn sử dụng: Chữ in thường; kiểu chữ đứng; cỡ chữ 7.

3. Thẻ được ép nhựa bảo vệ bên ngoài.

4. Mã số Thẻ

Thẻ có mã số chung là A05. Cục quản lý thị trường cấp tỉnh có thêm mã số địa phương nơi cơ quan đặt trụ sở chính (theo mẫu tại Phụ lục số 05). Trong trường hợp thành lập Cục Quản lý thị trường liên tỉnh hoặc Cục thuộc Bộ có sự thay đổi về tên gọi, Bộ trưởng Bộ Công Thương sẽ ban hành Quyết định quy định cụ thể mã số Thẻ tại các Cục quản lý thị trường liên tỉnh, Cục thuộc Bộ có sự thay đổi về tên gọi.

Số thứ tự Thẻ bao gồm: Tên viết tắt của cơ quan theo quy định của Bộ Công Thương, tiếp theo số Thẻ có 03 (ba) số (bắt đầu từ 001), cụ thể:

- Tổng cục Quản lý thị trường - TCQLTT;
- Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh/liên tỉnh - QLTT;
- Cục Hóa chất - HC;
- Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp - ATMT;
- Cục Điều tiết điện lực - ĐTĐL;
- Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - TMĐT;
- Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia - UBCTQG;
- Cục Công nghiệp - CN.

Ví dụ: Mã số Thẻ của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục Quản lý thị trường, số 25 là: A05-TCQLTT025. Mã số Thẻ của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tại Cục Quản lý thị trường Hà Nội, số 52 là: A05-T01-QLTT052.

5. Công chức được cấp Thẻ sau khi Thông tư này có hiệu lực được bắt đầu bằng mã số 001.

Điều 12. Một số nội dung khác về thanh tra chuyên ngành Công Thương

1. Về Kế hoạch thanh tra hằng năm

a) Việc ban hành Kế hoạch thanh tra hằng năm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2024/TT-TTTP ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng Chương trình thanh tra và ban hành Kế hoạch thanh tra.

b) Việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra được thực hiện khi có căn cứ theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 04/2024/TT-TTTP. Thủ trưởng cơ quan được giao thực

hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc Tổng cục Quản lý thị trường gửi đề nghị điều chỉnh Kế hoạch thanh tra tới Tổng cục Quản lý thị trường tổng hợp và gửi Thanh tra Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định. Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng giao Chánh Thanh tra Bộ thừa lệnh Bộ trưởng ký Quyết định điều chỉnh Kế hoạch thanh tra hằng năm đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 04/2024/TT-TTCP.

c) Cơ quan chủ trì tiến hành thanh tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đối tượng thanh tra về Kế hoạch thanh tra, điều chỉnh Kế hoạch thanh tra chậm nhất 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định phê duyệt hoặc Quyết định điều chỉnh Kế hoạch thanh tra.

2. Thủ trưởng cơ quan giao nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành cho đơn vị trực thuộc

a) Tại Tổng cục Quản lý thị trường: Nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành do Vụ Thanh tra - Kiểm tra thực hiện.

b) Tại Cục Quản lý thị trường thuộc Tổng cục Quản lý thị trường: Nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành do Phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện. Trong trường hợp có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức và tên gọi của phòng, cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành cho phòng chuyên môn.

c) Tại các Cục thuộc Bộ: Nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành cho đơn vị thuộc Cục do Thủ trưởng cơ quan quyết định bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực hoặc được quy định tại Quyết định của cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị thuộc Cục.

3. Thủ trưởng cơ quan ký ban hành Quyết định thanh tra theo quy định hoặc giao cấp phó ký ban hành Quyết định thanh tra. Việc giao cấp phó ký ban hành Quyết định thanh tra được thực hiện thông qua văn bản phân công nhiệm vụ của Thủ trưởng cơ quan và các Phó thủ trưởng cơ quan hoặc chỉ đạo ký ban hành Quyết định thanh tra đối với từng cuộc thanh tra cụ thể.

4. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành ngoài việc đáp ứng tiêu chuẩn tại Điều 28 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra phải còn thời gian công tác (tính thời khi nghỉ hưu theo quy định) tối thiểu là 09 tháng.

5. Về lập, lưu giữ và bàn giao hồ sơ thanh tra

a) Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc hồ sơ thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra; Người thực hiện giám sát; tổ chức, cá nhân được phân công thẩm định dự thảo Kết luận thanh tra (nếu có) có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến cuộc thanh tra cho đơn vị tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành lưu giữ chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi công bố Kết luận thanh tra.

b) Việc lưu trữ hồ sơ cuộc thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thẻ thanh tra chuyên ngành được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn tiếp tục có giá trị theo thời hạn ghi trên Thẻ.

2. Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành được cấp cho công chức từ ngày 21 tháng 10 năm 2017 đến nay tiếp tục có giá trị.

3. Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đã cấp cho công chức tại Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (nay là Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia) từ ngày 21 tháng 10 năm 2017 tiếp tục có giá trị.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

2. Bãi bỏ Thông tư số 14/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn một số quy định về thanh tra chuyên ngành Công Thương.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Thanh tra Bộ Công Thương, Thủ trưởng các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương (qua Thanh tra Bộ) để được xem xét, hướng dẫn./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục
MỘT SỐ BIỂU MẪU TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA
CHUYÊN NGÀNH CÔNG THƯƠNG

*(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

STT	Mã số	Mẫu biểu
1	Phụ lục số 01	Thông báo Kế hoạch thanh tra
2	Phụ lục số 02	Thông báo điều chỉnh Kế hoạch thanh tra
3	Phụ lục số 03	Quyết định phân công công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành
4	Phụ lục số 04	Danh sách đề nghị cấp mới/cấp lại Thẻ thanh tra chuyên ngành
5	Phụ lục số 05	Mã số cơ quan Quản lý thị trường cấp tỉnh
6	Phụ lục số 06	Quyết định cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành Công Thương
7	Phụ lục số 07	Quyết định tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành
8	Phụ lục số 08	Quyết định thu hồi Thẻ thanh tra chuyên ngành
9	Phụ lục số 09	Quyết định giao nhiệm vụ tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành
10	Phụ lục số 10	Mẫu Thẻ thanh tra chuyên ngành Công Thương

PHỤ LỤC SỐ 01
THÔNG BÁO KẾ HOẠCH THANH TRA
(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CHỦ TRÌ
THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-

....., ngày..... tháng.... năm 20....

THÔNG BÁO
Kế hoạch thanh tra năm 20...

Ngày... tháng... năm 20..., Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số.../QĐ-BCT về việc ban hành Kế hoạch thanh tra năm 20...

Theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Luật Thanh tra năm 2022, (1).... thông báo tới (2)... về Kế hoạch thanh tra năm 20..., cụ thể:

1. Cơ quan chủ trì thanh tra:
2. Nội dung thanh tra:
3. Thời gian thanh tra:
4. Thời kỳ thanh tra:

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được Thông báo này, đề nghị đơn vị thông báo tới cơ quan chủ trì tiến hành thanh tra cán bộ đầu mối của đơn vị (*Họ và tên, chức vụ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại*) để liên hệ với cơ quan chủ trì tiến hành thanh tra.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Đối tượng thanh tra;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu.

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1): Cơ quan chủ trì thanh tra
- (2): Đối tượng được thanh tra

PHỤ LỤC SỐ 02
THÔNG BÁO ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THANH TRA
(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CHỦ TRÌ
THANH TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-

..., ngày... tháng... năm 20...

THÔNG BÁO
Điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 20...

Ngày tháng năm 20 , Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số /QĐ-BCT về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra năm 20 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. (1)... thông báo tới (2)... việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra, cụ thể:

1. Nội dung thanh tra theo Kế hoạch: Cơ quan chủ trì thanh tra; Nội dung thanh tra; Thời kỳ thanh tra; Thời gian thanh tra.

2. Nội dung điều chỉnh Kế hoạch thanh tra: Bổ sung/đưa đối tượng được thanh tra ra khỏi Kế hoạch thanh tra; Điều chỉnh nội dung thanh tra, thời kỳ thanh tra, thời gian thanh tra.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Đối tượng thanh tra;
- Thanh tra Bộ;
- Lưu.

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1): Cơ quan chủ trì thanh tra

(2): Đối tượng được thanh tra

PHỤ LỤC SỐ 03
QUYẾT ĐỊNH PHÂN CÔNG NGƯỜI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUAN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....

....., ngày... tháng... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công người thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số /2024/TT-BCT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Công Thương;

Căn cứ...;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công người thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 3. Người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành được hưởng chế độ bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

Điều 4. ... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều...;

-.....;

- Lưu: VT,.....

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC GIAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- , ngày tháng năm của)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
1			
2			
3			
...			

PHỤ LỤC SỐ 04
DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

(Kèm theo Công văn số:... ngày... tháng... năm... của...)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngạch công chức	Trình độ chuyên môn	Thời gian công tác trong lĩnh vực được giao thực hiện nhiệm vụ TTCN	Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ TTCN/Chứng nhận đã hoàn thành bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra	Quyết định phân công thực hiện nhiệm vụ TTCN	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1				Luật/Tài chính, kỹ sư...	1,5 năm/3 năm...	Ngày, tháng, năm được cấp	Số 25/QĐ-QLTT ngày 25/5/2024	Cấp mới/Cấp lại/ Đã từng bị thu hồi Thẻ theo QĐ số... ngày tháng năm của
2								
...								

Công chức đầu mới được giao nhiệm vụ có liên quan tới cấp Thẻ (Họ và tên, chức vụ, số điện thoại)

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

PHỤ LỤC SỐ 05**MÃ SỐ CƠ QUAN QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG CẤP TỈNH**

(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Mã số	Mã cơ quan Quản lý thị trường cấp tỉnh
1	T01	Cục quản lý thị trường thành phố Hà Nội
2	T02	Cục quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh
3	T03	Cục quản lý thị trường thành phố Hải Phòng
4	T04	Cục quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng
5	T05	Cục quản lý thị trường thành phố Cần Thơ
6	T10	Cục quản lý thị trường tỉnh Hà Giang
7	T11	Cục quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng
8	T12	Cục quản lý thị trường tỉnh Lai Châu
9	T67	Cục quản lý thị trường tỉnh Điện Biên
10	T13	Cục quản lý thị trường tỉnh Lào Cai
11	T14	Cục quản lý thị trường tỉnh Tuyên Quang
12	T15	Cục quản lý thị trường tỉnh Lạng Sơn
13	T16	Cục quản lý thị trường tỉnh Thái Nguyên
14	T60	Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Kạn
15	T17	Cục quản lý thị trường tỉnh Yên Bái
16	T18	Cục quản lý thị trường tỉnh Sơn La
17	T19	Cục quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ
18	T61	Cục quản lý thị trường tỉnh Vĩnh Phúc
19	T20	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Ninh

STT	Mã số	Mã cơ quan Quản lý thị trường cấp tỉnh
20	T62	Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Ninh
21	T21	Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang
22	T24	Cục quản lý thị trường tỉnh Hòa Bình
23	T23	Cục quản lý thị trường tỉnh Hải Dương
24	T63	Cục quản lý thị trường tỉnh Hưng Yên
25	T64	Cục quản lý thị trường tỉnh Hà Nam
26	T25	Cục quản lý thị trường tỉnh Nam Định
27	T26	Cục quản lý thị trường tỉnh Thái Bình
28	T27	Cục quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa
29	T28	Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình
30	T29	Cục quản lý thị trường tỉnh Nghệ An
31	T30	Cục quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh
32	T31	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình
33	T32	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị
34	T33	Cục quản lý thị trường tỉnh Thừa Thiên - Huế
35	T34	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Nam
36	T35	Cục quản lý thị trường tỉnh Quảng Ngãi
37	T36	Cục quản lý thị trường tỉnh Kon Tum
38	T37	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Định
39	T38	Cục quản lý thị trường tỉnh Gia Lai
40	T39	Cục quản lý thị trường tỉnh Phú Yên
41	T40	Cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk

STT	Mã số	Mã cơ quan Quản lý thị trường cấp tỉnh
42	T68	Cục quản lý thị trường tỉnh Đắk Nông
43	T41	Cục quản lý thị trường tỉnh Khánh Hòa
44	T42	Cục quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng
45	T43	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Dương
46	T65	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Phước
47	T44	Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Thuận
48	T45	Cục quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh
49	T46	Cục quản lý thị trường tỉnh Bình Thuận
50	T47	Cục quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai
51	T48	Cục quản lý thị trường tỉnh Long An
52	T49	Cục quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp
53	T50	Cục quản lý thị trường tỉnh An Giang
54	T51	Cục quản lý thị trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
55	T52	Cục quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang
56	T53	Cục quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang
57	T55	Cục quản lý thị trường tỉnh Bến Tre
58	T56	Cục quản lý thị trường tỉnh Vĩnh Long
59	T57	Cục quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh
60	T58	Cục quản lý thị trường tỉnh Sóc Trăng
61	T54	Cục quản lý thị trường tỉnh Hậu Giang
62	T66	Cục quản lý thị trường tỉnh Bạc Liêu
63	T59	Cục quản lý thị trường tỉnh Cà Mau

PHỤ LỤC SỐ 06
QUYẾT ĐỊNH CẤP THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG
THANH TRA BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTB

Hà Nội, ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Thẻ thanh tra chuyên ngành

CHÁNH THANH TRA BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số /2024/TT-BCT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Công Thương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra chuyên ngành,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành cho người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành Công Thương (Danh sách kèm theo).

Điều 2. Người được cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành có trách nhiệm quản lý, sử dụng Thẻ theo quy định tại Thông tư số /2024/TT-BCT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Công Thương.

Điều 3. Trưởng phòng Thanh tra chuyên ngành, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các cá nhân được cấp Thẻ thanh tra chuyên ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Lưu: TTB, P2.

CHÁNH THANH TRA

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

**DANH SÁCH NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ
THANH TRA CHUYÊN NGÀNH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTB ngày tháng năm 20
của Chánh Thanh tra Bộ Công Thương)*

STT	Họ và tên	Số thẻ	Ghi chú
1			Cấp mới/Cấp lại
2			
3			
...			

PHỤ LỤC SỐ 07
QUYẾT ĐỊNH TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ
THANH TRA CHUYÊN NGÀNH

*(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUAN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày... tháng... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số /2024/TT-BCT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Công Thương;

Căn cứ Quyết định số...QĐ-BCT ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của...

Theo đề nghị của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm đình chỉ sử dụng Thẻ thanh tra chuyên ngành (Mã số thẻ) đối với ông/bà...

Thời hạn tạm đình chỉ: Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm (Trong trường hợp xác định được thời gian cụ thể); từ ngày tháng năm (Trường hợp chưa xác định được thời hạn tạm đình chỉ).

Lý do tạm đình chỉ:.....

Điều 2. Ông/bà... có trách nhiệm bàn giao lại Thẻ Thanh tra chuyên ngành cho (1)... trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được Quyết định này.

Điều 3. Trưởng (1)..., ông/bà có tên tại Điều 1 và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra Bộ (để b/c);
- Lưu: VT,...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1): Đơn vị tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành của đơn vị

PHỤ LỤC SỐ 08
QUYẾT ĐỊNH THU HỒI THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG
THANH TRA BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTB

Hà Nội, ngày... tháng... năm 20

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Thẻ thanh tra chuyên ngành

CHÁNH THANH TRA BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 03/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số /2024/TT-BCT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Công Thương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra chuyên ngành.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Thẻ thanh tra chuyên ngành (Mã số thẻ) đối với ông/bà...

Lý do thu hồi:....

Điều 2. Thủ trưởng (1)... có trách nhiệm cắt góc Thẻ và lưu giữ theo quy định.

Điều 3. Trưởng phòng Thanh tra chuyên ngành chuyên, Thủ trưởng (1)..., ông/bà có tên tại Điều 1 và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: TTB, P2.

CHÁNH THANH TRA

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1): Đơn vị quản lý/sử dụng người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành bị thu hồi Thẻ

PHỤ LỤC SỐ 10
MẪU THẺ THANH TRA CHUYÊN NGÀNH CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Thông tư số 15/2024/TT-BCT ngày 06 tháng 9 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Hình 1. Mặt trước



Hình 2. Mặt sau

